**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ II - NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: SINH HỌC 9**

*(Kèm theo Công văn số 739/SGDĐT-GDTrH ngày 04/4/2023 của Sở GDĐT Quảng Nam)*

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Bài 34. Thoái hóa do tự thụ phấn và do giao phối gần**

- Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa.

- Vai trò của tự thụ phấn bắt buộc và giao phối cận huyết trong chọn giống.

**Bài 35. Ưu thế lai**

- Hiện tượng ưu thế lai và cơ sở di truyền của ưu thế lai .

- Các phương pháp tạo ưu thế lai ở cây trồng, vật nuôi.

**Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái**

- Sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, phân tích được ví dụ minh hoạ.

**Bài 42. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật**

- Ảnh hưởng của nhân tố ánh sáng đến các đặc điểm hình thái, sinh lí và tập tính của sinh vật.

- Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường.

**Bài 43. Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật**

- Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái nhiệt độ và độ ẩm môi trường đến các đặc điểm về sinh thái, sinh lí và tập tính của sinh vật.

- Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường.

**Bài 44. Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật**

- Các mối quan hệ cùng loài, khác loài.

- Đặc điểm của các mối quan hệ khác loài, nhận biết được từng mối quan hệ đó qua các ví dụ trong thực tiễn.

**Bài 47. Quần thể sinh vật**

- Khái niệm quần thể sinh vật. Ví dụ minh hoạ.

- Các đặc trưng cơ bản của quần thể.

**Bài 49. Quần xã sinh vật**

- Khái niệm quần xã sinh vật.

- Các đặc điểm cơ bản của quần xã.

**Bài 50. Hệ sinh thái**

- Khái niệm chuỗi thức ăn, lưới thức ăn; các thành phần của chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái.

**Bài 53. Tác động của con người đối với môi trường**

- Các hoạt động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên và vai trò của con người trong bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên.

**Bài 54, 55. Ô nhiễm môi trường**

- Khái niệm ô nhiễm môi trường.

- Nguyên nhân và tác hại của ô nhiễm môi trường, xác định được các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường sống.

**II. TỰ LUẬN**

**Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái**

II. Các nhân tố sinh thái của môi trường.

? Nhân tố sinh thái là gì? NTST là những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật.

Có 2 nhóm NTST: Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh và nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh.

Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh được phân biệt thành nhóm NTST con người và nhóm NTST các sinh vật khác. Con người có trí tuệ nên bên cạnh việc khai thác thiên nhiên con người còn góp phần to lớn cải tạo thiên nhiên.

- Thế nào là nhân tố vô sinh? (Không sống) ví dụ: Ánh sáng, độ ẩm, nhiệt độ, đất, đá, nước,...

 - Nhân tố hữu sinh? (Sống), ví dụ: thực vật, động vật, vi sinh vật, các hoạt động của con người...

?Nhận xét gì về tác động của nhân tố sinh thái?

**Bài 50. Hệ sinh thái**

II. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn.

**1.Chuỗi thức ăn :** Là một dãy nhiều loài SV có quan hệ dinh dưỡng với nhau . Mỗi loài là một mắc xích , vừa là SV tiêu thụ của mắc xích trước vừa là SV bị mắc xích sau tiêu thụ .

**Chuỗi thức ăn gồm** :

 + SV sản xuất

+ SV tiêu thụ

+ SV phân giải

**2.Lưới thức ăn :** Bao gồm chuỗi thức ăn có nhiều mắc xích chung

HS tự viết một lưới thức ăn theo yêu cầu của đề bài. Ví dụ bài tập 2/153

**Bài 58. Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên**

 I. Các dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu.

 **\*Có 3 dạng tài nguyên thiên nhiên:**

* Tài nguyên tái sinh: Có khả năng phục hồi khi sử dụng hợp lí (sinh vật, đất, nước …)
* Tài nguyên không tái sinh: là dạng tài nguyên sau một thời gian sử dụng sẽ bị cạn kiệt (than đá, dầu mỏ …)
* Tài nguyên năng lượng vĩnh cửu: Là tài nguyên sử dụng mãi mãi, không gây ô nhiễm môi trường (gió, mặt trời …)

 II. Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.

**Thế nào là sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ?**

 .... là hình thức sử dụng vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng tài nguyên của xã hội hiện tại, vừa đảm bảo duy trì lâu dài các nguồn tài nguyên cho các thế hệ mai sau.

* **Sử dụng hợp lí tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên sinh vật:**

